

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103488607
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (Hai lăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 25.000.000.000 đồng (Hai lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: 187 B phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 35121601
- Số fax: 024 32123278
- Website: www.xbgdhn.vn
- Mã cổ phiếu: EPH

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty thành lập ngày 05/03/2009. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25/03/2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UPCOM theo Quyết định số 1010/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo mô hình công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý: theo cơ cấu công ty cổ phần
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: là đơn vị dẫn đầu trong hệ thống NXBGD Việt Nam nói riêng và trong ngành xuất bản nói chung trong công tác tổ chức bản thảo SGK, SBT, STK phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh Việt Nam.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trở thành đơn vị dẫn đầu trong ngành nghề kinh doanh chính.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: đảm bảo học sinh có đầy đủ SGK phục vụ học tập, đảm bảo xuất bản phẩm do công ty cung cấp luôn có chất lượng cao.

5. Các rủi ro: do thay đổi chương trình SGK dẫn đến phải thay đổi hầu hết sản phẩm hiện hành, dịch bệnh Covid – 19 gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: đảm bảo tốt kế hoạch và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2021:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMTND/ĐK KD	Ngày cấp CMTND/ĐKKD	Nơi cấp CMTND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Trần Quang Vinh	CT HĐQT	012076569	27/09/2012	Hà Nội	Số 220, phố Quan Nhân, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%
2	Quách Tất Kiên	UV HĐQT	012314412	27/11/2011	Hà Nội	Phòng 307, nhà 3 tầng, tổ 11, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	0	0%
3	Phạm Thị Hồng	UV HĐQT; GD	011781965	26/08/2005	Hà Nội	Số 16, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	10.600	0,42%

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMTND/ĐK KD	Ngày cấp CMTND/ĐKKD	Nơi cấp CMTND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
4	Nguyễn Hiền Trang	UV HĐQT; PGĐ	011701792	26/10/2007	Hà Nội	Số 2, ngõ 18 Huỳnh Thúc Kháng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1.000	0,04%
5	Chu Quang Tuyền	UV HĐQT; KTT	013045110	21/2/2008	Hà Nội	Số 8, ngách 54/17 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	6.000	0,24%
6	Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng BKS	001188000739	24/04/2014	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 12, ngách 7/16, ngõ 7 Thái Thịnh, P Ngã Tư Sở, Q Đống Đ, Hà Nội	0	0%
7	Vũ Thị Hương Giang	UV BKS	001172000566	06/11/2013	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 8, dãy 39, TT Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	12.900	0,51%
8	Phạm Việt Quang	UV BKS	017123005	26/8/2009	Hà Nội	P930, CT2A, khu đô thị Văn Quán, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	0	0%
9	Phạm Đình Lượng	PGĐ	013660880	22/12/2013	Hà Nội	P903, CC C37, Bắc Hà, Tổ Hữu, Phùng Khoang, Nam Từ Liêm, Hà Nội	5.900	0,24%
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	PGĐ	013101402	19/6/2006	Hà Nội	SN 29 lô 6 Mổ Lao, Hà Đông, Hà Nội	2.500	0,1%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ban Giám đốc bổ nhiệm mới 01 đồng chí.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 112 CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	70.612.536.360	66.585.760.228	+6,05%
Doanh thu thuần	87.885.085.247	76.123.707.915	+15,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.678.467.279	5.837.935.857	+14,4%
Lợi nhuận khác	1.446.974	2.767.546	- 47,7%
Lợi nhuận trước thuế	6.679.914.253	5.840.703.403	+14,37%
Lợi nhuận sau thuế	5.151.715.409	5.005.364.927	+2,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,29	1,28	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1,21	1,22	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,52	0,49	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,08	0,98	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	22,53	24,31	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,28	1,14	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,058	0,066	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,151	0,149	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,072	0,075	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,075	0,077	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 2.500.000 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	1.578.813	63,15
	Cổ đông cá nhân	921.187	36,85
2	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	2.496.100	99,85%
	Cổ đông nước ngoài	3.900	0,15%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp : Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 112 người
- Mức lương trung bình: 22,5 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn thực hiện các biện pháp đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động theo quy định: khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm, cán bộ được hưởng chế độ phúc lợi theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Người lao động được tham gia các chương trình, khóa học phát triển kỹ năng và học tập theo chuyên môn để hỗ trợ người lao động đảm bảo thực hiện tốt hơn công việc được giao, có việc làm phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như tặng quà tình nghĩa, tặng sách cho các trường học vùng khó khăn,...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: đảm bảo thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021.

2. Tình hình tài chính: về cơ bản năm 2021 có tình hình tài chính ổn định

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2022 đã được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) giao nhiệm vụ.

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị trong hệ thống NXBGDVN đẩy mạnh công tác xuất bản – phát hành.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Công ty thực hiện tốt các quy định của nhà nước liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn thực hiện các biện pháp đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động theo quy định: khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm, cán bộ được hưởng chế độ phúc lợi theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

- Người lao động được tham gia các chương trình, khóa học phát triển kỹ năng và học tập theo chuyên môn để hỗ trợ người lao động đảm bảo thực hiện tốt hơn công việc được giao, có việc làm phát triển sự nghiệp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như tặng quà tình nghĩa, tặng sách cho các trường học vùng khó khăn,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông thường niên.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội cổ đông, hội đồng quản trị. Luôn nỗ lực để hoàn thành tốt kế hoạch và nhiệm vụ được giao.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Tiếp tục thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Lãnh đạo công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Hoàn thành tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

- Chỉ đạo tổ chức công tác biên tập, khai thác đề tài, xây dựng hệ đề tài đúng định hướng của NXBGDVN và Công ty, nhất là các đề tài mà nhà trường và xã hội có nhu cầu.

- Chỉ đạo tổ chức tốt công tác phát hành, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo thêm công ăn việc làm và ổn định thu nhập của CBCNV.

- Chỉ đạo sắp xếp cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng nhân sự phù hợp với yêu cầu mới của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Thời điểm ngày 31/12/2021):

TT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ (Thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Trần Quang Vinh	Thành viên độc lập	0	
2	Quách Tất Kiên	Thành viên độc lập	0	
3	Phạm Thị Hồng	Thành viên chuyên trách	10.600	0,424%
4	Nguyễn Hiền Trang	Thành viên chuyên trách	1.000	0,04%
5	Chu Quang Tuyến	Thành viên chuyên trách	6.000	0,24%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Số cuộc họp và sự tham gia của HĐQT năm 2021, cụ thể:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Trần Quang Vinh	CTHĐQT	06	100	
2	Quách Tất Kiên	UVHĐQT	06	100	
3	Phạm Thị Hồng	UVHĐQT	06	100	
4	Nguyễn Hiền Trang	UVHĐQT	06	100	
5	Chu Quang Tuyến	UVHĐQT	06	100	

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01	26/02/2021	1/ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. 2/ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. 3/ Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. 4/ Thông qua kế hoạch chi tạm ứng cổ tức năm 2020.
2	02	03/3/2021	Thông qua việc điều chỉnh thời gian chi tạm ứng cổ tức năm 2020 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	03	18/3/2021	1/ Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. 2/ Thông qua việc tiếp nhận, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự quản lý của Công ty: - Thông qua việc bổ nhiệm ông Phạm Việt Quang- Hoà sĩ trưởng, Phó trưởng phòng Chế bản giữ chức Trưởng phòng Chế bản. - Thông qua việc tiếp nhận và bổ nhiệm ông Ngô Quang Thế- Trưởng phòng thiết kế, Công ty IMP giữ chức Phó trưởng phòng Chế bản. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại ông Hoàng Việt- Phó trưởng ban Biên tập sách Toán - Tin giữ chức vụ Phó trưởng ban Biên tập sách Toán - Tin.
			1/ Thông qua chủ trương bổ nhiệm nhân sự quản lý của Công ty: - Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Trưởng ban biên tập sách Sinh học giữ chức Phó Giám đốc Công ty. 2/ Thông qua chủ trương bổ nhiệm

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
4	04	27/9/2021	- Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Khôi - BTV BBT sách Sinh học giữ chức vụ Phó trưởng ban phụ trách BBT sách Sinh học. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Đinh Thanh Liêm - BTV BBT sách Hoá học giữ chức vụ Phó trưởng phòng Chế bản.
5	05	01/10/2021	Thông qua việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự quản lí của Công ty: - Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Khôi- BTV BBT sách Sinh học giữ chức vụ Phó trưởng ban phụ trách BBT sách Sinh học. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Đinh Thanh Liêm - BTV BBT sách Hoá học giữ chức vụ Phó trưởng phòng Chế bản. - Thông qua việc bổ nhiệm lại ông Hoàng Việt - Phó trưởng ban Biên tập sách Toán - Tin giữ chức vụ Phó trưởng ban Biên tập sách Toán - Tin.
6	06	09/12/2021	1/ Thông qua phương án quyết toán tiền lương năm 2021. 2/ Thông qua nội dung Ban Điều hành xin ý kiến về công tác kiểm kê, quyết toán tài chính năm 2021. 3/ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban	0	0%
2	Vũ Thị Hương Giang	Thành viên	12.900	0,516%
3	Phạm Việt Quang	Thành viên	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát đối với HĐQT: Qua quá trình giám sát các hoạt động của HĐQT năm 2021, BKS không thấy điều gì bất thường. HĐQT tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty. HĐQT duy trì điều hành các phiên họp định kỳ theo quy định. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các phiên họp, thảo luận với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các nghị quyết, quyết định định hướng, kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định, kiện toàn bộ máy nhân sự.

- Giám sát đối với Ban điều hành: Ban điều hành tổ chức thường xuyên các cuộc họp giao ban vào thứ 2 hàng tuần để kịp thời chỉ đạo các vấn đề về sản xuất kinh doanh. Giám đốc

điều hành đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT, tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Giám sát đối với cổ đông: Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Nội dung	Năm 2021 (đồng)
1	Lương thưởng Ban điều hành	3.139.120.450
2	Thù lao Hội đồng quản trị	258.000.000
3	Thù lao Ban Kiểm soát	42.000.000
4	Các khoản lợi ích khác (cổ tức)	38.900.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	Cổ đông lớn	0100108543	81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Năm 2021		Tổ chức bàn thảo, biên tập, thiết kế, chế bản	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của nhà nước

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: kèm theo

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: kèm theo

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: KTTV, VT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Tên

Ông Trần Quang Vinh
Bà Phạm Thị Hồng
Ông Quách Tất Kiên
Bà Nguyễn Hiền Trang
Ông Chu Quang Tuyền

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Kiểm soát

Tên

Bà Nguyễn Thị Trà Giang
Bà Vũ Thị Hương Giang
Ông Phạm Việt Quang

Chức vụ

Trưởng ban
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Tên

Bà Phạm Thị Hồng
Bà Nguyễn Hiền Trang
Ông Phạm Đình Lượng
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Chức vụ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 1/11/2021)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Phạm Thị Hồng, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Số: 86/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/03/2022 từ trang 5 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1334-2021-240-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1486-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.285.892.981	42.380.205.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	22.855.562.902	11.459.633.001
1. Tiền	111		10.855.562.902	11.459.633.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.705.549.385	23.617.600.673
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.197.787.385	21.231.572.339
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	380.793.934	654.826.455
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	355.595.256	1.731.201.879
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.228.627.190)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	3.099.639.359	1.962.787.710
1. Hàng tồn kho	141		3.099.639.359	1.962.787.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		625.141.335	340.184.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	625.141.335	31.728.706
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	308.455.857
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.326.643.379	24.205.554.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.869.781.588	23.606.779.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	22.869.781.588	23.606.779.497
Nguyên giá	222		28.236.111.466	27.921.716.010
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.366.329.878)	(4.314.936.513)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		456.861.791	598.774.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	256.617.776	598.774.784
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.9	200.244.015	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.612.536.360	66.585.760.228

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.626.362.888	32.996.205.484
I. Nợ ngắn hạn	310		36.626.362.888	32.996.205.484
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	9.018.178.785	5.357.308.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	19.605.328.949	20.749.462.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	2.415.517.659	1.568.690.471
4. Phải trả người lao động	314		3.879.184.419	5.053.083.122
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	246.133.064	59.496.814
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.462.020.012	208.163.331
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.986.173.472	33.589.554.744
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	33.986.173.472	33.589.554.744
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(110.000.000)	(110.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.458.063	3.194.189.817
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.651.715.409	5.505.364.927
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		500.000.000	500.000.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.151.715.409	5.005.364.927
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.612.536.360	66.585.760.228



Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Chu Quang Tuyến
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	87.885.085.247	76.127.954.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	-	4.246.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		87.885.085.247	76.123.707.915
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	57.026.619.033	49.123.817.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.858.466.214	26.999.889.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	331.953.933	551.346.795
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	8.087.761.919	6.921.245.655
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	16.424.190.949	14.792.055.245
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.678.467.279	5.837.935.857
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.462.277	2.794.546
12. Chi phí khác	32	5.8	15.303	27.000
13. Lợi nhuận khác	40		1.446.974	2.767.546
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.679.914.253	5.840.703.403
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.728.442.859	835.338.476
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	(200.244.015)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.151.715.409	5.005.364.927
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.5	1.103	1.100
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.6	1.103	1.100


Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng
Cao Thị Ngọc
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	91.774.736.295	72.526.818.167
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(51.443.157.660)	(41.583.907.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(31.752.879.062)	(26.824.747.850)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.030.728.142)	(955.020.221)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.680.644.789	5.021.628.213
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.350.244.796)	(11.454.315.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.878.371.424	(3.269.544.844)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(314.395.456)	(34.310.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(13.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	13.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331.953.933	551.346.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.558.477	2.017.036.795
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	11.395.929.901	(3.752.508.049)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.459.633.001	15.212.141.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	22.855.562.902	11.459.633.001



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

[Signature]

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng

[Signature]

Cao Thị Ngọc
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2009. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25/03/2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UPCOM theo Quyết định số 1010/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty giao dịch ngày đầu tiên trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là EPH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 25.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 112 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 103 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động xuất bản khác. Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ xuất bản; - Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản các xuất bản phẩm và các tài liệu khác; - Phát hành các xuất bản phẩm; - Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD;
- In ấn. Chi tiết: In các xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thực hiện dịch vụ bản quyền tác giả;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; - Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: - Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm; - Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các cấp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Buôn bán nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông; - Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng; khu đô thị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2021

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 3 năm

Công ty xin đăng ký mức trích khấu hao nhanh, bằng hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng cho toàn bộ các tài sản cố định của đơn vị (không bao gồm văn phòng làm việc) theo đúng quy định của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao nhanh tài sản cố định theo Công văn số 11/CV-HEPS ngày 14/01/2021 của Công ty gửi Cục thuế Hà Nội.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Bản thảo sách, nhuận bút tác giả: thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát được tính theo mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.16. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất, thương mại, dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	147.581.845	355.284.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.707.981.057	11.104.348.766
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	12.000.000.000	-
Cộng	22.855.562.902	11.459.633.001

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.909.645.688	3.443.480.208
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	2.684.673.972	2.901.454.879
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.470.334.270	1.564.036.870
Các khách hàng khác	8.133.133.455	13.322.600.382
Cộng	16.197.787.385	21.231.572.339
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 6</i>	9.596.361.821	13.797.578.882

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông ZOOMPLUS	-	471.550.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Dấu Cộng	-	122.943.450
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	258.688.803	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Nội thất Smart Home Việt Nam	56.525.000	-
Các khách hàng khác	65.580.131	60.333.005
Cộng	380.793.934	654.826.455
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 6</i>	258.688.803	-

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	187.560.000	-	87.580.000	-
Phải thu khác	168.035.256	-	1.643.621.879	-
Cộng	355.595.256	-	1.731.201.879	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.228.627.190	-	1.228.627.190	1.228.627.190
Cộng	1.228.627.190	-	1.228.627.190	1.228.627.190

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty cổ phần Gia Lai CTC	563.047.190	-	Trên 3 năm	563.047.190	563.047.190	
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Giang	415.580.000	-	Trên 3 năm	415.580.000	415.580.000	
Công ty Cổ phần Viễn thông Tinh Vân	250.000.000	-	Trên 3 năm	250.000.000	250.000.000	
Cộng	1.228.627.190	-		1.228.627.190	1.228.627.190	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.783.128	-	8.294.972	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.648.461.008	-	1.575.641.002	-
Thành phẩm	409.672.856	-	370.082.139	-
Hàng hóa	9.722.367	-	8.769.597	-
Cộng	3.099.639.359	-	1.962.787.710	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	53.015.578	31.728.706
Chi phí máy tính	572.125.757	-
Cộng	625.141.335	31.728.706
Dài hạn:		
Chi phí đầu tư văn phòng	256.617.776	598.774.784
Cộng	256.617.776	598.774.784

4.9. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	200.244.015	-
Cộng	200.244.015	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	25.160.884.717	2.272.107.767	488.723.526	27.921.716.010
Tăng trong năm	-	-	314.395.456	314.395.456
Tại ngày 31/12/2021	25.160.884.717	2.272.107.767	803.118.982	28.236.111.466
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	2.052.581.087	1.786.974.679	475.380.747	4.314.936.513
Khấu hao trong năm	505.099.536	447.815.148	98.478.681	1.051.393.365
Tại ngày 31/12/2021	2.557.680.623	2.234.789.827	573.859.428	5.366.329.878
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	23.108.303.630	485.133.088	13.342.779	23.606.779.497
Tại ngày 31/12/2021	22.603.204.094	37.317.940	229.259.554	22.869.781.588

Không có TSCĐ hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản phải trả.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.417.385.838VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	1.415.095.141	1.415.095.141	237.033.520	237.033.520
Xí nghiệp Bản Đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc Địa bản đồ	1.283.549.797	1.283.549.797	646.194.297	646.194.297
Phải trả cho các đối tượng khác	6.319.533.847	6.319.533.847	4.474.081.074	4.474.081.074
Cộng	9.018.178.785	9.018.178.785	5.357.308.891	5.357.308.891
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6</i>	1.415.095.141	1.415.095.141	237.033.520	237.033.520

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	195.110.104	48.836.074
Các khoản khác	51.022.960	10.660.740
Cộng	246.133.064	59.496.814

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	19.585.328.949	20.629.273.950
Các khách hàng khác	20.000.000	120.188.905
Cộng	19.605.328.949	20.749.462.855
<i>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 6</i>	19.585.328.949	20.629.273.950

4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	727.883.376	1.832.448.884	1.104.565.508	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.180.882	1.728.442.859	2.030.728.142	595.466.165
Thuế thu nhập cá nhân	1.394.453.401	3.737.768.936	3.316.539.841	973.224.306
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.415.517.659	7.301.660.679	6.454.833.491	1.568.690.471

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	(110.000.000)	2.986.663.667	4.650.522.995	32.527.186.662
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.005.364.927	5.005.364.927
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	207.526.150	(207.526.150)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.235.470.695)	(1.235.470.695)
Trích quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	(207.526.150)	(207.526.150)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	25.000.000.000	(110.000.000)	3.194.189.817	5.505.364.927	33.589.554.744
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.151.715.409	5.151.715.409
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	250.268.246	(250.268.246)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(2.004.828.435)	(2.004.828.435)
Trích quỹ khen thưởng BĐH (*)	-	-	-	(250.268.246)	(250.268.246)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	25.000.000.000	(110.000.000)	3.444.458.063	5.651.715.409	33.986.173.472

(*) Phân phối LNST năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	11.088.130.000
Các cổ đông khác	13.911.870.000	13.911.870.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

4.15.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.151.715.409	5.005.364.927
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BDH (*)	2.394.129.639	2.255.096.681
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.757.585.770	2.750.268.246
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.103	1.100

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.151.715.409	5.005.364.927
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BDH (*)	2.394.129.639	2.255.096.681
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.757.585.770</u>	<u>2.750.268.246</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.500.000</u>	<u>2.500.000</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.103</u>	<u>1.100</u>

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã tạm trích Quỹ khen thưởng BDH (5% LNST năm 2021) và Quỹ khen thưởng phúc lợi (phần LNST còn lại sau khi chia cổ tức và trích các quỹ khác) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính lại từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng BDH theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

4.15.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021, đã quyết định chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 2.500.000.000 VND).

4.15.8. Các Quỹ của Doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	3.194.189.817
Trích trong năm	250.268.246
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	<u>3.444.458.063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bản thảo	63.142.698.735	54.389.448.926
Doanh thu bán sách	9.869.141.546	9.582.166.731
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	1.572.491.194	1.931.542.763
Nhuận bút	13.092.485.590	9.489.875.695
Doanh thu khác	208.268.182	734.920.000
Cộng	87.885.085.247	76.127.954.115

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6

77.004.986.981

65.101.363.854

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	-	4.246.200
Cộng	-	4.246.200

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bản thảo	35.322.429.974	31.656.808.149
Giá vốn bán sách	7.426.021.112	7.387.875.812
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	756.102.357	543.953.797
Nhuận bút	13.092.485.590	9.489.875.695
Giá vốn khác	429.580.000	45.304.500
Cộng	57.026.619.033	49.123.817.953

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	331.953.933	551.346.795
Cộng	331.953.933	551.346.795

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.462.070.790	5.285.183.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.542.275	384.420.717
Chi phí bằng tiền khác	1.436.148.854	1.251.641.889
Cộng	8.087.761.919	6.921.245.655

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.512.538.540	5.898.510.591
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.228.627.190	-
Chi phí khác bằng tiền	8.683.025.219	8.893.544.654
Cộng	16.424.190.949	14.792.055.245

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	1.462.277	2.794.546
Các khoản thu nhập khác	-	-
Cộng	1.462.277	2.794.546

5.8. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khác	15.303	27.000
Cộng	15.303	27.000

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(200.244.015)	-
	(200.244.015)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.679.914.253	5.840.703.403
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.050.500.035	126.000.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	415.580.000	-
- Chi phí không được trừ	507.699.960	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	126.000.000	126.000.000
- Chi phí mua máy tính chưa ghi nhận vào TNCT	1.001.220.075	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.730.414.288	5.966.703.403
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.728.442.859	835.338.476
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.746.082.858	1.193.340.681
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(17.639.999)	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước được giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	-	(358.002.204)

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	46.361.912.164	39.966.641.413
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.051.393.365	973.881.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.824.181.082	16.494.975.057
Chi phí khác bằng tiền	9.121.620.503	9.550.844.609
Cộng	78.359.107.114	66.986.342.984

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1 Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
2 Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
3 Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
4 Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Công ty đầu tư
5 Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
6 Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
7 Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
8 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
9 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
10 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
11 Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
12 Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
13 Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
14 Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
15 Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	Chung công ty đầu tư
16 Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
17 Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	Chung công ty đầu tư
18 Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
19 Công ty CP Đầu tư và xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
20 Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
21 Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
22 Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
23 HĐQT và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn:		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	119.674.187
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	6.376.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	76.950.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.909.645.688	3.443.480.208
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	682.697.020	1.388.161.509
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	392.423.135	1.992.226.870
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	538.678.000	1.032.248.786
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	2.684.673.972	2.901.454.879
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	-	691.493.133
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	480.628.707	1.229.327.707
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	60.000.000	163.419.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	823.102.519	730.406.843
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	3.828.000	22.359.260
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Miền Trung	969.740	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	19.715.040	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	9.596.361.821	13.797.578.882
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	258.688.803	-
Cộng - Xem thêm mục 4.4	258.688.803	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.415.095.141	237.033.520
Cộng - Xem thêm mục 4.11	1.415.095.141	237.033.520
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	19.585.328.949	20.629.273.950
Cộng - Xem thêm mục 4.13	19.585.328.949	20.629.273.950

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng :		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	21.885.658.817	16.003.958.470
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	6.287.011.186	7.540.286.335
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	23.425.640	6.376.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	9.247.500	9.247.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	23.949.000	76.950.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	10.352.121.600	4.716.090.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	8.173.808.560	8.788.505.655
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	14.792.428.732	11.030.940.532
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.400.196.265	3.774.145.525
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	5.265.566.420	6.685.751.562
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	4.928.809.103	2.764.847.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.186.611.176	1.985.585.835
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	111.089.720	120.837.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	32.986.000	50.476.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	242.594.080	549.339.520
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	36.884.000	40.081.000
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	3.480.000	22.099.660
Công ty CP Đầu tư và xuất bản Giáo dục	249.119.182	935.843.500
Cộng - Xem thêm mục 5.1	77.004.986.981	65.101.363.854

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	24.818.182	34.181.819
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	178.027.136	145.932.083
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	1.238.578.120	792.044.880
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	582.221.740	1.531.662.130
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	86.275.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	396.148.800	201.066.776
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	694.177.500	614.370.330
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	7.375.302.089	6.484.721.826
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	40.740.000	45.120.000
Cộng	10.530.013.567	9.935.374.844
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chia cổ tức:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.108.813.000	1.108.813.000
Các cổ đông khác	460.250.000	460.250.000
Cộng	1.569.063.000	1.569.063.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Ông Trần Quang Vinh	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Hồng	54.000.000	54.000.000
Ông Quách Tất Kiên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hiền Trang	48.000.000	48.000.000
Ông Chu Quang Tuyền	48.000.000	39.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	24.000.000
Bà Bùi Thị Hà	18.000.000	7.500.000
Cộng	276.000.000	280.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Thu nhập Ban Giám đốc*

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Phạm Thị Hồng	1.104.844.000	788.639.500
Bà Nguyễn Hiền Trang	798.534.000	635.230.000
Ông Phạm Đình Lượng	738.764.000	588.348.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	496.978.450	-
Ông Vũ Văn Dương	-	665.222.000
Cộng	3.139.120.450	2.677.439.500

7. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	18.000.000	18.000.000
Bà Vũ Thị Hương Giang	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Việt Quang	12.000.000	6.000.000
Ông Phạm Đình Lượng	-	6.000.000
Cộng	42.000.000	42.000.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**Phạm Thị Hồng**
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022


Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng
Cao Thị Ngọc
Người lập